

Méthode pratique pour l'étude du quc-ng / Đ Thân

Đô , Thân. Auteur du texte. Méthode pratique pour l'étude du quc-ng / Đ Thân. 1927.

1/ Les contenus accessibles sur le site Gallica sont pour la plupart des reproductions numériques d'oeuvres tombées dans le domaine public provenant des collections de la BnF. Leur réutilisation s'inscrit dans le cadre de la loi n°78-753 du 17 juillet 1978 :

- La réutilisation non commerciale de ces contenus ou dans le cadre d'une publication académique ou scientifique est libre et gratuite dans le respect de la législation en vigueur et notamment du maintien de la mention de source des contenus telle que précisée ci-après : « Source gallica.bnf.fr / Bibliothèque nationale de France » ou « Source gallica.bnf.fr / BnF ».
- La réutilisation commerciale de ces contenus est payante et fait l'objet d'une licence. Est entendue par réutilisation commerciale la revente de contenus sous forme de produits élaborés ou de fourniture de service ou toute autre réutilisation des contenus générant directement des revenus : publication vendue (à l'exception des ouvrages académiques ou scientifiques), une exposition, une production audiovisuelle, un service ou un produit payant, un support à vocation promotionnelle etc.

[CLIQUER ICI POUR ACCÉDER AUX TARIFS ET À LA LICENCE](#)

2/ Les contenus de Gallica sont la propriété de la BnF au sens de l'article L.2112-1 du code général de la propriété des personnes publiques.

3/ Quelques contenus sont soumis à un régime de réutilisation particulier. Il s'agit :

- des reproductions de documents protégés par un droit d'auteur appartenant à un tiers. Ces documents ne peuvent être réutilisés, sauf dans le cadre de la copie privée, sans l'autorisation préalable du titulaire des droits.
- des reproductions de documents conservés dans les bibliothèques ou autres institutions partenaires. Ceux-ci sont signalés par la mention Source gallica.BnF.fr / Bibliothèque municipale de ... (ou autre partenaire). L'utilisateur est invité à s'informer auprès de ces bibliothèques de leurs conditions de réutilisation.

4/ Gallica constitue une base de données, dont la BnF est le producteur, protégée au sens des articles L341-1 et suivants du code de la propriété intellectuelle.

5/ Les présentes conditions d'utilisation des contenus de Gallica sont régies par la loi française. En cas de réutilisation prévue dans un autre pays, il appartient à chaque utilisateur de vérifier la conformité de son projet avec le droit de ce pays.

6/ L'utilisateur s'engage à respecter les présentes conditions d'utilisation ainsi que la législation en vigueur, notamment en matière de propriété intellectuelle. En cas de non respect de ces dispositions, il est notamment passible d'une amende prévue par la loi du 17 juillet 1978.

7/ Pour obtenir un document de Gallica en haute définition, contacter utilisation.commerciale@bnf.fr.

2542
8^e Série
INDO-CHINOIS
L55

國語習讀

依 閱 同 會 務 學 法 東 呈 經

MÉTHODE PRATIQUE

POUR

L'ÉTUDE DU QUÔC-NGŨ

A L'USAGE DES ÉCOLES ANNAMITES

PAR

ĐÔ-THÂN

慎 杜

DEPOT LEGAL
INDOCHINE

N^o 7257

Ouvrage adopté par le Conseil de Perfectionnement
de l'Enseignement Indigène

22^e édition 1927 mille



1927

IMPRIMERIE TONKINOISE — LÉ-VAN-PHUC

HANOI — 80-82 Rue du Chapitre, 80-82 — HANOI

Prix : 0 \$ 06

Tous droits réservés

THE UNIVERSITY OF CHICAGO



THE UNIVERSITY OF CHICAGO

LIBRARY

國語習讀

依 關 同 會 務 學 法 東 呈 經

MÉTHODE PRATIQUE

POUR

L'ÉTUDE DU QUỐC-NGŨ

À L'USAGE DES ÉCOLES ANNAMITES

PAR

ĐỒ-THẬN

慎 杜

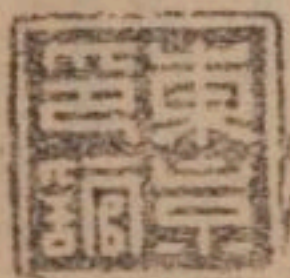
DEPOT LEGAL
INDOCHINE

N^o 7287

Ouvrage adopté par le Conseil de Perfectionnement
de l'Enseignement Indigène

22^e édition - 199^e mille

Pièce
8^o Ind.-ch.
455



1827

IMPRIMERIE TONKINOISE — LÉ-VAN-PHUC

HANOI — 80-82, Rue du Chanvre, 80-82 — HANOI

Tous droits réservés

SÁCH DẠY VĂN QUỐC-NGŨ

HỘI-ĐỒNG BÀN VIỆC HỌC ĐÔNG-PHÁP ĐÃ DUYỆT-Y

讀 習 語 國

依 閱 同 會 務 學 法 東 呈 經

CHỮ LỜI IN

A B C D Đ E G H
I K L M N O P Q
R S T U V X Y.

a b c d đ e g h i k l
m n o p q r s t u v
x y.

0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
空 一 二 三 四 五 六 七 八 九

CHỮ LỖI VIẾT

A B C D E
G H I K L M
N O P Q R S
T U V X Y

a b c d e g h i k l m
n o p q r s t u v x y.

0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
空 一 二 三 四 五 六 七 八 九

VẦN BẰNG

a ă â e ê ì o ô ơ u ư

巴 ba bă bâ be bê bi bo bô
bơ bu bur.

加 da dă dâ de dê di do dô
dơ du dư.

多 đa đă đâ đe dê đi đo đô
đơ đu đư.

訶 ha hă hâ he hê hi ho hô
hơ hu hư.

羅 la lă lâ le lê li lo lô lơ
lu lư.

麻 ma mả mâ me mê mi
mo mô mơ mu mư.

那 na nă nâ ne nê ni no nô
nơ nu nư.

騷 ra rã râ re rê rì ro rô rơ
ru rư.

沙 sa sã sâ se sê si so sô sơ
su sư.

嗟 ta tả tâ te tê ti to tô to
tu tư.

撓 va vã vâ ve vê vi vo vô vơ
vu vư.

車 xa xã xâ xe xê xì xo xô
xơ xu xư.

吒 cha chã châ che chê chi
cho chô chơ chu chư.

嘉 gia giã giâ gie giê ịi gio
giô giơ giu giư.

哥 kha khã khâ khe khê khi
kho khô kơ khu khư.

牙 nha nhả nhá nhe nhê nhi
nhô nhô nhơ nhu như.

坡 pha phả phá phe phê phi
pho phô phơ phu phư.

他 tha thả thà the thê thi
tho thô thơ thu thư.

查 tra tră trã tre trê tri tro
trô trơ tru trư.

戈 qua quã quâ que quê qui
quo quô quơ qu.

歌 ca cả câ ke kê ki co cô
cơ cu cư.

哥 ga gã gâ ghe ghê ghi
go gô gơ gu gư.

哦 nga ngã ngâ nghe nghe
nghỉ ngo ngô ngo ngu
ngư.

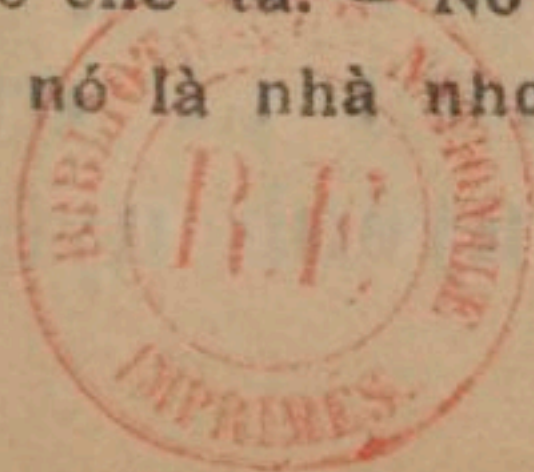
CÁC DẤU

- (dấu nặng) 礮
 - ˊ (dấu sắc) 色
 - ˋ (dấu huyền) 玄
 - ˊ (dấu hỏi) 嚕
 - (dấu ngã) 我
-

BÀI TẬP ĐỌC

NHỮNG TIẾNG CHỈ CÓ VĂN BẢNG MÀ THÔI

Nó ở nhà ta. — Nó chả có gì cả. — Chả nhẽ mà ta
chả đi. — Ta ngu là vì nó. — Ta cứ cố đi, thì ta chả
sợ gì cả. — Ta chớ chê nó là kẻ khờ. — Chớ có nghe
nó. — Nó cứ giữ nghề nô lệ. — Kẻ đã có nghề, thì
vô lo vô lự. — Ta chớ có phò ta là kẻ tử tế. — Bà
có đi, thì bà cứ đi. — Cá to, cá nhỏ, ở chợ có cả. —
Ta nghĩ nó chả ngu như thế: nó cứ ở nhà từ khi
ta đi ra chợ. — Nó ra bộ phá gia chi tử. — Nó hư,
nó chả ra gì. — Bà thứ đi cho nó. — Ở phố ta có
ba nhà to. — Hề ta hư, thì nó chê ta. — Nó mê lú
từ khi nó ở nhà. — Nhà chú nó là nhà nhỏ.



VẦN TRẮC

a ă ã. — ac ắc ác ach ai am
ăm âm an ăn ân ang ăng àng anh
ao ap ắp áp at ăt ăt au âu ay ây.

e ê. — êch em êm eo ên eng
ênh eo ep êp et êt êu.

i. — ia ich iêc iêm iên iêng iếp
iêt yêt iêu yêu im in inh ip it iu.

o ô ơ. — oa oac oắc oach oai
oam oan oăn oang oăng oanh oap
oắp oat oăt oay oc ôc ơc oe oen
oet oi ôi ơi om ôm ơm on ôn ơn
ong ông ơng op ôp ơp ot ôt ơt.

u ư. — ua ưa uân uâng uât
uây uc ưc uê ui um ưm un ưn ung
ưng ươ uôc ươc uôi ươi uôm ươm
uôn ươn uông ương uôp ươp uôt
ươt ươu ưt ưt ưư uy uya ưych
uyên uyênh uyêt uyinh uyt uyư.

BÀI TẬP ĐỌC

Ăn uống (Le boire et le manger).

Cho được dưỡng sinh, cần phải ăn uống. — Ăn để nuôi mình, uống cho khỏi khát. — Tay bồng miệng hớp; thói đời bàn-cổ. — Ăn sòng nuốt tươi, là loài ác thú. — Ăn nhai nói nghĩ, mới gọi là khôn. — Ăn xối ở thì, tiểu-nhân tư cách. — Ham ăn thiết uống, nết xấu nên chê. — Say chè mê rượu, chỉ tổ hư thân. — Hải vật sơn hào, chẳng qua no bụng. — Cơm rau nước lạnh, tùy phận là hơn. — Ăn dễ được sòng, nào sòng mong ăn. — Phải nghĩ trước sau, uống ăn chớ lụy.

Quần áo (Les vêtements).

Người trên quả đất, cũng một giống trướng. — Khác loài cầm thú, biết chê áo quần. — Áo quần làm ra, bởi tơ bởi vải. — Giống bóng kéo sợi, chần tấm lầy tơ. — Dệt ra vải vóc, cắt áo may xiêm. — Người ở xứ nóng, đổ mặc đơn thưa. — Kẻ sinh miền lạnh, quần áo dày dộp. — Nói tóm một câu, mặc cho kín ấm. — Gọn gàng thung dung, rách thơm lành sạch. — Hè dộp đông the, ấy là trái lẽ. — Nết tốt gì bằng, áo đẹp ai khen? — Ăn mặc phù hoa, phí tiền vô ích.

Học thức (L'instruction).

Đã được làm người, học cho biết lẽ. — Mày kẻ sinh tri, không học dốt mãi. — Sách vở bút giấy, mực son chì phấn. — Được nhân phải học, được học phải chăm. — Cây ruộng làm nghề, có học mới khéo. — Buôn bán sinh nhai, hễ dốt ít lãi. — Việc cũ kể chi, chỉ nghề khoa cử. — Ngày nay thử ngó, trí thức nhường nào! — Kia điện kia cơ, nào y nào toán; — Chât học hóa học, thiên văn địa dư. — Gặp hội đua tranh, càng nên chăm chút. — Thuở xưa biêng học, còn mong sô tốt. — Ngày nay chẳng siêng, thầy ngay hèn hạ. — Thuở xưa trẻ học, còn đợi duyên hay. — Ngày nay xao nhãng, chắc hẳn đói nghèo. — Học tài thi phận, lời hủ chớ nghe. — Chăm chỉ sẽ thành, lẽ phải nên theo. — Chớ chuộng hư danh, phải chuyên thực sự. — Trước là ích mình, sau ra giúp nước. — Ta cũng là người, há nên tự khí.

Luân lý (La morale).

Giời dặt sinh ra, người là rất quý. — Không biết luân lý, sao gọi là người. — Ai nuôi ta lớn? ai dạy ta hay? — Ai cho vinh hiển? ai đỡ tiếng tăm? — Việc trong ai giúp? hoạn nạn ai cùng? — Ấy là: cha mẹ, vua tôi, anh em, — Vợ chồng, thầy bạn; sách gọi ngũ luân. — Muốn xứng làm người, phải nên hết đạo. — Vật có tri thức, còn biết hân hoi. — Huông chi là người, linh hơn vạn vật! — Đội giới dặt dặt, không thẹn cùng ai. — Kẻ hiền người trung, tiếng thơm để mãi.

Cha con (Entre père et fils).

Bác mẹ sinh thành, công lao giới bề. — Lúc bé bú
chăn, lớn lên dạy dỗ. — Tim thấy kén bạn, những
mong hiền thảo. — Gia công cùng sức, chẳng quản
chi chi. — Ấy lòng cha mẹ, vì còn lo phiền. — Vậy
kẻ làm con, phải nên kính mến. — Con hiền nhất là :
chẳng hề trái mệnh. — Sớm khuya hầu hạ, dộc lòng
phụng dưỡng. — Lại phải chuyên cần, cô trí lập thân.
— Minh được sung sướng, bác mẹ vui lòng. —
Hiền đức sinh thành, làm gương kẻ khác.

Vệ sinh (L'hygiène).

Biết cách giữ mình, khỏi sự ốm đau. — Khỏe
mạnh đều hòa, ấy là vệ sinh. — Phép này cần nhất :
uông ăn tiết độ. — Đồ sông đồ ôi, nước tù nước lã. —
Độc trùng nằng ở, chớ ăn mắc bệnh. — Năng tắm
năng thay, da bì sạch sẽ. — Huyết khí thông hành,
trong mình khỏe mạnh. — Hễ người đã yếu, tất việc
không chăm. — Không chăm sao được, trong lúc
thời nay. — Vậy phải giữ gìn, dưỡng sinh làm cốt.

Bệnh lây (Maladies contagieuses).

Trước mắt nên tin, sao còn nghi hoặc ? — Thấy
thuộc danh sự, ngày ngày kinh nghiệm. — Những
bệnh truyền nhiễm, hễ lây là mắc. — Vậy nên gìn
giữ, khi gần người ốm. — Đồ mặc thức ăn, mình
đừng lẫn lộn. — Rãi rớt, tiểu phân, chớ xa với đót.

— Giường phản buống nằm, ngăn cách biệt riêng. —
Chăn gồi chiều màn, nước sôi ngâm dân. — Tiệt hết
trùng độc, mới khỏi nhiễm lây. — Trước được yên
nhà, sau vui cả xóm. — Phúc đức nào bằng, quan
âm cũng nể !

Thuốc phiện (L'opium).

Trong các điều xấu, L'ghien thuốc tranh đầu. —
Lúc mới hút chơi, thấy thơm thấy hay. — Phóng
khoáng tiêu khiển, nghĩ chẳng cần gì. — Ai ngờ
mắc vào, giữ ra không được. — Đói cơm còn khá,
kém thuốc mê cuồng. — Việc gì cũng kệ, hằng hút
rối hay. — Mà nào có chóng, còn hơ còn tiêm. —
Sửa đèn nạo tẩu, ít mất vài giờ. — Công việc trễ
biềng, chỉ cần xe lợ. — Nghiện thuốc được gì, ai đều
cũng biết : -- Tồn chí tồn tiền, sinh ngu sinh kiệt. —
Hằng nói gọi là, còn nhiều tệ nữa.

Cờ bạc (Le jeu).

Giải trí đỡ buồn, đánh năm ba ván. — Được thua
mặc ý, không quan ngại gì. — Chơi bởi như thê,
rạng vui rạng thú. — Đền như lắm kẻ, mượn tiếng
vui chơi. — Ngày đêm mê man, được thua làm cật.
— Được thời hơn hờ, tiêu pha vung phí. -- Lúc thua
quau quó, chửi chớ mắng gạ. — Tiền nhà khánh-kiệt,
rối mới vay cầm. — Trước còn đồ đạc, sau đèn
ruộng vườn. — Hàng sáo nặc nô, lắm khi rầy nhuộc.
-- Cờ bạc mê chơi, làm chi cho khổ !

Rượu chè (L'ivrognerie).

Trò đời vẫn thế, ai chẳng muốn hay. — Nhưng hay phải tập, dở thật dễ quen. — Rượu chè bẻ tha, nào ai có dạy! — Sao lắm kẻ say? ta đừng bắt chước. — Men vào mê man, mách quảng nói tiên. — Công việc trễ biếng, thua anh kém em. — Kẻ nhè hư thân, lại thêm đeo bệnh. — Chẳng những phí tiền, lại hại vào thân. — Ấy rượu là thế, ta phải nên răn.

Buôn bán (Le commerce).

Việc buôn phải trọng, nước giàu vì đó. — Đã giàu phải thịnh, thịnh ắt sung sướng. — Vậy nên chuyên cần, mở mang buôn bán. — Điều cốt nghề này: thật thà tín cẩn. — Dối trá điêu trác, dầu lãi chẳng thêm. — Xuất nhập minh bạch, ăn ít ngon nhiều. — Trước vắng sau đông, khách như mây dền. — Buôn một lãi mười, cũng là vi thế. — Trước nhỏ sau to, buôn trăm bán nghìn. — Xuất cảng nhập dương, ai là chẳng muốn? — Hễ được người tin, ắt mình hưng thịnh. — Chắc chắn thật thà, là cha quí quái.

Tính toán (Le calcul).

Không đếm rõ ràng, sao biết số mục? — Đếm một đến mười, mười mãi đến trăm. — Nghìn, vạn, ức, triệu, thứ tự mà lên. — Cho biết nhiều ít, mới được ăn định. — Nhiều số nhập vào, gọi là tính cộng. — Một số bớt đi, là phép tính trừ. — Nhân là thế nào? là bội nhiều lần. — Như năm lần sáu, thành ra ba mươi. — Còn thứ tính chia, là đủ bốn phép. — Thí

dụ sô này : mười hai chia tư. — Mỗi phần được ba, thê là tính chia. — Buôn bán biết tính, lỗ lãi mới chắc. — Làm ruộng không tính, lợi hại sao tường. — Nghề nào cũng thê, có tính có hơn.

Thiên-văn (L'astronomie).

Khí giới chuyển vận, đều độ phân li. — Xuân hạ thu đông, bốn mùa đắp đổi. — Nắng mưa nực rét, tiết khí soay vắn. — Ngày có mặt giới, đêm sáng giăng sao. — Sấm sét nắng mưa, nhật-thực nguyệt-thực. — Sao cờ, sao chổi, cũng là thường sự. — Không phải thần ma, chớ nên tin nhảm. — Lễ giới dẫu thê, thử nghĩ mà xem !

Địa-dư (La géographie).

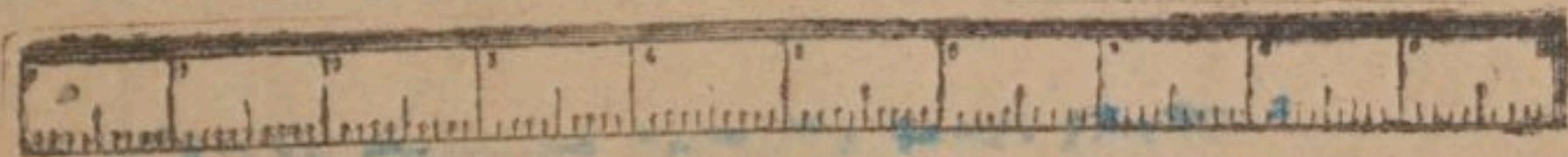
I. — Địa-dư phải học, để biết thê đất. — Nào phải như xưa, để cầu kết phát. — Quả đất tròn xoay, năm châu quanh bọc. — Giữa nóng đầu lạnh, khoảng khác trung bình. — Bể rộng núi nhiều, đất bằng ít hẹp. — Người chia bốn giống, trắng vàng đen đỏ. — Âu trắng, Á vàng, Phi đen, Mỹ đỏ. — Nước Pháp châu Âu, Nước Nam châu Á. — Địa-dư toàn cầu, đây lược đại cương. — Khi học tường tận, có sách dạy riêng.

II. — Cả trong thê gian, vật gì bên nhât ? — Không lở không mòn, ấy là quả đất. — Có năm châu lớn, chia làm đông tây. — Đông là châu Á, tây là châu Âu. — Hai phần hợp lại, hình như quả cầu. — Đất có một phần, còn ba phần bể. — Bể rộng sông dài, non cao rừng đậm. — Chỉ có lòng người, cùng sâu cực

thâm. — Người bên Thái-Tây, chăm học địa-dư. —
Đã học càng rộng, đã biết càng tinh. — Vậy nên
người người, biết mên xứ mình. — Người nước
Nam ta, chỉ chuyên địa-lí. — Hỏi đến đất đai, không
thuộc một tí. — Đất nước dễ hoang, của chung không
giữ. — Trách sao ngu hèn, ngày càng suy bĩ. —
Xin nghĩ lại ngay, mà học cho kĩ. — Học người Thái-
Tây, vẽ ra từng tí, — Tắc đất tắc vàng, không nên
bỏ phí.

Quan chức (Le mandarinat).

Nhân sinh bách nghệ, mỗi nghề mỗi quý. — Quan
cũng một nghề, làm thuê cho nước. — Ngu dân
chưa biết, thuê đóng làm gì. — Để nuôi quan lại,
binh lính tuần phòng. — Làm việc công ích, an thái
là cốt. — Quan, binh, lại, dịch, chức nào việc này. —
Hoặc thay dân quyền, hoặc vâng quân mệnh. — Ích
quốc lợi dân, mới hết phận mình. — Được vậy danh
giá, tiền của nào bằng? — Còn kẻ tham nhũng, hà
hiếp ngu dân. — Quên đường danh phận, chỉ chăm
nặng túi. — Làm quan như thế, vinh gì mà vinh!



Đây là đúng một tắc tây — Mười tắc này là một thước tây. —
Một thước an-nam là bốn tắc tây — Một thước tây là hai thước
rưỡi an-nam.

DU MÊME AUTEUR :

TÊN CÁC SÁCH CỦA ÔNG ĐỖ-THẬN 杜慎 đã soạn HOẶC đã DỊCH

Pháp học tiếp giải 法學捷解, sách học văn tây cho chóng biết, có diễn ra quốc-ngữ.	0 30
Quốc ngữ tập đọc 國語習讀, sách học văn quốc-ngữ, có Hội-đồng học-chánh duyệt-y.	0 06
Ấu học luân lý 幼學倫理, (in lần thứ ba).	0 50
Ấu học nông phổ 幼學農圃, (cùng làm với ông PHẠM-VĂN-THUY).	0 40
Khải đồng tập dẫn 啓童雜引, vừa chữ pháp vừa chữ quốc-ngữ. Hai quyển, mỗi quyển giá.	0 20
Hải lục cách ngôn 海錄格言, các chuyện hay để dạy trẻ con ở bên phương Tây, dịch ra quốc-ngữ. Bốn quyển, mỗi quyển giá.	0 10
Thu dạ lữ hoài ngâm 秋夜旅懷吟, dịch ra quốc-ngữ.	0 10
Hồ đả nữ 狐嫁女, vừa chữ pháp, chữ quốc-ngữ, vừa chữ nho, chữ nôm.	0 20
Tân san tự vị tiết yếu 新冊字彙節要, vừa chữ pháp, vừa chữ quốc-ngữ, để dạy cách nói và cách viết tiếng pháp. (Cùng làm với ông HÀN-THÁI-DƯƠNG), in lần thứ hai.	1 20
Đông dương địa dư sơ học 東洋地輿初學, bản quốc-ngữ.	0 40
Nam sử sơ học 南史初學, bản quốc-ngữ.	0 45
Việt nam nhân thần giám (Công-thần — Danh-thần — Quyền-thần) 越南人臣鑑 (功臣, 名臣, 權臣) của quan Quận Hoàng Tường-công soạn. Một bên chữ quốc-ngữ một bên chữ pháp.	0 30

Bán tại hiệu Ích-Ký, ở Hà-nội, phố hàng Giấy số nhà 58.

EN VENTE en conformité des
Dispositions de l'art. 8 de la loi du 29
Juillet 1881, Contre le Drape d'Alger
à *Vingt mille exemplaires*

Hanoi, le 4 November 1927
Librairie Ich-Ky, 58, rue du Papier, Hanoi

[Signature]

